



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2015

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2015 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ:	18.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015:	18.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
 - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Bán buôn thực phẩm;
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 235 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |
| • Ông Phạm Ngọc Tới | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| | | Miễn nhiệm ngày 01/04/2015 |
| | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Ông Lê Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 18/03/2015 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| | | Miễn nhiệm ngày 11/02/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2013 |
| • Bà Phan Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/03/2013
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
• Ông Lê Huy	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2015
• Ông Lê Hoàng Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 Miễn nhiệm ngày 01/04/2015
• Bà Nguyễn Bích La	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
• Ông Phạm Văn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
• Ông Nguyễn Phong Yên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/09/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Huy

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 195A/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03/03/2016, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.036.109.684	62.127.976.702
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.863.143.255	5.476.444.381
1. Tiền	111	5	7.799.836.379	5.476.444.381
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	13.063.306.876	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	12.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.b	-	11.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.372.369.418	34.167.217.783
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	22.378.614.064	23.790.343.785
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	3.133.555.728	9.971.194.400
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	1.499.877.201	864.236.482
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(639.677.575)	(458.556.884)
IV. Hàng tồn kho	140	12	9.358.215.345	8.371.656.199
1. Hàng tồn kho	141		9.530.881.540	8.408.946.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(172.666.195)	(37.290.734)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.692.381.666	1.612.658.339
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	2.691.881.666	1.612.658.339
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		500.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.899.536.666	5.584.844.625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.063.212.200	1.246.149.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	2.063.212.200	1.246.149.000
II. Tài sản cố định	220		695.101.007	1.538.061.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	695.101.007	1.538.061.802
- Nguyên giá	222		8.347.658.510	7.941.146.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.652.557.503)	(6.403.084.960)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.170.244.739	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	17.170.244.739	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.970.978.720	2.800.633.823
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	1.847.929.931	2.578.694.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	123.048.789	221.939.026
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.935.646.350	67.712.821.327

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.673.751.474	40.107.962.858
I. Nợ ngắn hạn	310		48.673.751.474	40.107.962.858
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	30.043.112.881	22.871.649.484
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	3.805.884.268	2.511.066.916
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	2.904.300.176	1.816.676.880
4. Phải trả người lao động	314		8.903.591.471	9.594.120.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.711.111	4.904.167
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	866.986.473	220.262.665
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	1.100.000.000	2.750.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.048.165.094	339.282.239
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.261.894.876	27.604.858.469
I. Vốn chủ sở hữu	410		33.261.894.876	27.604.858.469
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(119.378.500)	(119.378.500)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	5.224.554.114	3.712.465.135
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	10.156.719.262	6.011.771.834
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.600.000.000	13.886.133
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.556.719.262	5.997.885.701
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.935.646.350	67.712.821.327



Lê Huy

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	201.382.391.129	155.739.624.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		201.382.391.129	155.739.624.932
4. Giá vốn hàng bán	11	26	135.880.323.523	108.046.281.842
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>65.502.067.606</u>	<u>47.693.343.090</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	525.924.874	1.406.977.405
7. Chi phí tài chính	22	28	15.840.127	4.904.167
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.840.127</i>	<i>4.904.167</i>
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	43.532.310.448	29.498.420.742
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	13.789.666.213	11.753.228.047
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>8.690.175.692</u>	<u>7.843.767.539</u>
11. Thu nhập khác	31	30	250.854.289	318.746.296
12. Chi phí khác	32	31	57.405.075	103.540.416
13. Lợi nhuận khác	40		<u>193.449.214</u>	<u>215.205.880</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>8.883.624.906</u>	<u>8.058.973.419</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.228.015.407	1.996.350.913
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	98.890.237	64.736.805
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>6.556.719.262</u>	<u>5.997.885.701</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.580	2.360
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	2.580	2.360



Lê Huy

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2015 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015: 18.000.000.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Phát hành sách mầm non; Bán lẻ sách báo, văn phòng phẩm, đồ dùng gia đình; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác.*

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất trong tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 40) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	1,5 – 3,5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.7 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 18 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	220.593.343	109.610.157
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.579.243.036	5.366.834.224
Cộng	7.799.836.379	5.476.444.381

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	13.063.306.876	-
Cộng	13.063.306.876	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư tài chính ngắn hạn

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	750.000.000	-	-	750.000.000	-	-
Cộng	750.000.000	-	-	750.000.000	-	-

Báo cáo tài chính các năm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa niêm yết trên các sở giao dịch và công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này. Do đó, khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	11.750.000.000	11.750.000.000
Cộng	-	-	11.750.000.000	11.750.000.000

8. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hồ Chí Minh	2.265.120.000	1.829.520.000
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	1.885.529.472	1.852.552.021
Công ty CP TBGD và Đồ chơi Hà Thành	1.011.145.337	1.096.612.672
Công ty CP Công nghiệp và Truyền thông Việt Nam	1.681.559.955	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.341.330.083	-
Các đối tượng khác	14.193.929.217	19.011.659.092
Cộng	22.378.614.064	23.790.343.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư	588.290.431	262.802.209
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTТ Công ty đầu tư	1.341.330.083	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTТ Công ty đầu tư	774.160.000	1.153.587.167
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTТ Công ty đầu tư	2.265.120.000	1.829.520.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	ĐVTТ Công ty đầu tư	935.451.000	436.931.000
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.885.529.472	1.852.552.021
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	313.714.928	1.694.812.791
Cộng		8.103.595.914	7.230.205.188

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Minh Phát	557.290.304	-
Công ty CP Đầu tư TM&DV Thái Hoàng	334.400.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng DP&C	707.425.650	-
Cửa hàng Vật tư Khoa học Kỹ thuật Thuận An	162.000.000	-
Công ty CP ĐT&PT Nhà số 6 Hà Nội (HADICO6)	-	8.839.650.000
Các đối tượng khác	1.372.439.774	1.131.544.400
Cộng	3.133.555.728	9.971.194.400

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
BHXX, BHYT, BHTN	49.293.285	-	59.074.037	-
Lãi dự thu	40.485.316	-	376.930.822	-
Tạm ứng	827.654.093	-	356.630.792	-
Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	-	-
Phải thu khác	552.444.507	-	71.600.831	-
Cộng	1.499.877.201	-	864.236.482	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.063.212.200	-	1.246.149.000	-
Cộng	2.063.212.200	-	1.246.149.000	-

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	Năm 2015	Năm 2014
Dự phòng phải thu khó đòi đầu kỳ	458.556.884	340.005.217
Dự phòng phát sinh trong kỳ	181.120.691	118.551.667
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi cuối kỳ	639.677.575	458.556.884

b. Nợ xấu

	31/12/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	815.285.184	175.607.609		
- Công ty TNHH In và Nghiên cứu Thị trường Việt Cường	116.634.795	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	698.650.389	175.607.609	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	815.285.184	175.607.609		
	01/01/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	869.628.499	411.071.615		
- Công ty TNHH In và Nghiên cứu Thị trường Việt Cường	316.634.795	158.317.398	Từ 2 đến 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	552.993.704	252.754.217	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	869.628.499	411.071.615		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	185.312.187	-	1.534.593.904	-
Công cụ, dụng cụ	14.884.000	-	-	-
Chi phí SX, KD dở dang	711.199.691	-	-	-
Thành phẩm	8.441.171.281	172.666.195	5.295.709.059	37.290.734
Hàng hóa	178.314.381	-	1.578.643.970	-
Cộng	9.530.881.540	172.666.195	8.408.946.933	37.290.734

- Giá trị sách chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015 là 172.666.195 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch làm từ thiện, biếu tặng đối với các loại sách trên.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	1.944.375.138	1.010.622.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	363.854.122	565.036.337
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	33.081.827	-
Chi phí linh kiện, phụ kiện, phần mềm	95.316.669	37.000.002
Phí quản lý	255.253.910	-
Cộng	2.691.881.666	1.612.658.339

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	312.247.291	213.718.570
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.513.002.640	2.364.976.227
Chi phí khác	22.680.000	-
Cộng	1.847.929.931	2.578.694.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	3.394.039.871	3.236.152.191	1.310.954.700	-	7.941.146.762
Phân loại lại	850.818.182	-	(850.818.182)	-	-
Mua sắm trong kỳ	306.220.860	-	30.000.000	70.290.888	406.511.748
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.551.078.913	3.236.152.191	490.136.518	70.290.888	8.347.658.510
Khấu hao					
Số đầu kỳ	3.394.039.871	2.211.708.471	797.336.618	-	6.403.084.960
Phân loại lại	416.676.770	-	(416.676.770)	-	-
Khấu hao trong kỳ	336.593.389	846.410.220	63.865.569	2.603.365	1.249.472.543
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.147.310.030	3.058.118.691	444.525.417	2.603.365	7.652.557.503
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	1.024.443.720	513.618.082	-	1.538.061.802
Số cuối kỳ	403.768.883	178.033.500	45.611.101	67.687.523	695.101.007

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 178.033.500 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 5.258.563.043 đồng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Mua sắm	17.170.244.739	-
- Nhà văn phòng	17.170.244.739	-
Cộng	17.170.244.739	-

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	123.048.789	221.939.026
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	123.048.789	221.939.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	2.946.121.919	944.154.921
Công ty CP Việt Tinh Anh	1.340.383.069	873.238.432
Nguyễn Thị Thanh Giang	1.897.498.217	2.094.070.845
Nguyễn Thị Mai Chi - Lê Thị Thu Hà	1.329.090.613	1.821.796.647
Các đối tượng khác	22.530.019.063	17.138.388.639
Cộng	30.043.112.881	22.871.649.484

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Bàn đồ-Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	193.789.490	126.027.010
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	180.217.302	327.979.998
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	270.086.703	868.079.284
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư	340.547.993	3.002.070
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	251.091.052	79.160.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư	-	212.845.102
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	178.047.221	13.423.446
Cộng		1.413.779.761	1.630.516.910

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Lê Thanh Bình - KD	314.003.721	314.003.721
Công ty CP SX&PT Thương mại Hải Lâm	986.039.551	986.039.551
Chị Trà - Ban PNQĐ Hà Nội	200.000.000	-
Các đối tượng khác	2.305.840.996	1.211.023.644
Cộng	3.805.884.268	2.511.066.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	111.701.201	2.973.566.882	2.320.052.754	765.215.329
Thuế thu nhập doanh nghiệp	876.034.752	2.228.015.407	1.780.857.007	1.323.193.152
Thuế thu nhập cá nhân	828.940.927	2.081.532.660	2.094.581.892	815.891.695
Các loại thuế khác	-	190.036.076	190.036.076	-
Cộng	1.816.676.880	7.473.151.025	6.385.527.729	2.904.300.176

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trích trước lãi vay	1.711.111	4.904.167
Cộng	1.711.111	4.904.167

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	87.396.991	68.478.277
Phải trả khác	779.589.482	151.784.388
Cộng	866.986.473	220.262.665

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	2.750.000.000	4.635.860.000	6.285.860.000	1.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Nam - CN Hoàn Kiếm	2.750.000.000	3.535.860.000	6.285.860.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Nội	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000
Cộng	2.750.000.000	4.635.860.000	6.285.860.000	1.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	15.000.000.000	(119.500.000)	2.318.879.561	648.072.913	(150.000)	4.420.371.616
Tăng trong kỳ	3.000.000.000	121.500	525.188.387	220.324.274		5.997.885.701
Giảm trong kỳ	-	-			(150.000)	4.406.485.483
Số dư tại 31/12/2014	<u>18.000.000.000</u>	<u>(119.378.500)</u>	<u>2.844.067.948</u>	<u>868.397.187</u>	<u>-</u>	<u>6.011.771.834</u>
Chuyển số dư (*)			868.397.187	(868.397.187)		
Số dư tại 01/01/2015	18.000.000.000	(119.378.500)	3.712.465.135	-	-	6.011.771.834
Tăng trong kỳ	-	-	1.512.088.979	-	-	6.556.719.262
Giảm trong kỳ	-	-		-	-	2.411.771.834
Số dư tại 31/12/2015	<u>18.000.000.000</u>	<u>(119.378.500)</u>	<u>5.224.554.114</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.156.719.262</u>

(*) Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo qui định của Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014.

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2015	Năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	18.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	3.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	18.000.000.000	18.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ (tương ứng 3.600.000.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 19/01/2016.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	6.011.771.834	4.420.371.616
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	6.556.719.262	5.997.885.701
Phân phối lợi nhuận	2.411.771.834	4.406.485.483
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	2.411.771.834	4.406.485.483
+ Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	1.512.088.979	745.512.661
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	899.682.855	660.972.822
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	3.000.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	10.156.719.262	6.011.771.834

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2014 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18/03/2015.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2015	01/01/2015
Hàng hóa nhận ký gửi	18.684.535.399	17.746.484.860

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán sách tham khảo	187.030.801.857	141.847.051.669
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	14.351.589.272	13.892.573.263
Cộng	201.382.391.129	155.739.624.932

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn sách tham khảo	126.270.167.728	98.522.363.249
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	9.474.780.334	9.523.918.593
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	135.375.461	-
Cộng	135.880.323.523	108.046.281.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	413.424.874	1.147.436.103
Cổ tức, lợi nhuận được chia	112.500.000	112.500.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	147.041.302
Cộng	525.924.874	1.406.977.405

28. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	15.840.127	4.904.167
Cộng	15.840.127	4.904.167

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.649.393.558	3.111.578.540
Chi phí nhân công	18.233.200.168	12.937.491.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	514.528.575	277.291.246
Chi phí hoa hồng môi giới	5.680.496.147	3.766.236.265
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	7.686.690.567	4.310.625.697
Các khoản khác	4.768.001.433	5.095.197.869
Cộng	43.532.310.448	29.498.420.742

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí công cụ, dụng cụ	307.877.676	254.016.713
Chi phí nhân công	7.294.844.678	5.729.359.663
Chi phí khấu hao tài sản cố định	734.943.968	776.287.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.526.505.676	3.720.930.723
Các khoản khác	1.925.494.215	1.272.633.561
Cộng	13.789.666.213	11.753.228.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Nhận tiền khuyến mãi	116.597.978	194.745.843
Thu tiền đền bù do mất hàng	60.540.964	31.607.465
Thu nhập khác	73.715.347	92.392.988
Cộng	250.854.289	318.746.296

31. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Các khoản bị phạt	45.514.097	-
Xử lý công nợ không rõ đối tượng	-	86.048.197
Các khoản khác	11.890.978	17.492.219
Cộng	57.405.075	103.540.416

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.883.624.906	8.058.973.419
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	885.314.020	1.015.348.915
- Điều chỉnh tăng	1.447.315.096	1.422.107.121
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.133.139.001	628.224.318
+ Khấu hao của nguyên giá xe ô tô vượt 1,6 tỷ	178.800.634	178.800.631
+ Chi phí chưa có hóa đơn	-	357.504.000
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi, xử lý công nợ	135.375.461	257.578.172
- Điều chỉnh giảm	562.001.076	406.758.206
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	112.500.000	112.500.000
+ Khấu hao chênh lệch giữa thuế và kế toán	449.501.076	294.258.206
Tổng thu nhập chịu thuế	9.768.938.926	9.074.322.334
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.228.015.407	1.996.350.913
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.149.166.564	1.996.350.913
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	78.848.843	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	98.890.237	64.736.805
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	98.890.237	64.736.805

34. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.556.719.262	5.997.885.701
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(983.507.889)	(899.682.855)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành)	983.507.889	899.682.855
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.573.211.373	5.098.202.846
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.160.000	2.159.991
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.800.000	1.799.991
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức	360.000	360.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.580	2.360

35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.697.458.765	22.636.368.650
Chi phí nhân công	31.424.221.827	25.411.726.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.249.472.543	1.211.599.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.182.862.099	50.907.197.916
Chi phí khác bằng tiền	7.618.334.684	5.287.284.389
Cộng	127.172.349.918	105.454.176.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mỹ thuật, truyền thông giáo dục, phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

37. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau. Hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Sở giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015			Đơn vị tính: VND
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	30.043.112.881	-	30.043.112.881
Chi phí phải trả	1.711.111	-	1.711.111
Vay và nợ thuê tài chính	1.100.000.000	-	1.100.000.000
Phải trả khác	779.589.482	-	779.589.482
Cộng	31.924.413.474	-	31.924.413.474
<hr/>			
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	22.871.649.484	-	22.871.649.484
Chi phí phải trả	4.904.167	-	4.904.167
Vay và nợ thuê tài chính	2.750.000.000	-	2.750.000.000
Phải trả khác	151.784.388	-	151.784.388
Cộng	25.778.338.039	-	25.778.338.039

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.863.143.255	-	20.863.143.255
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Phải thu khách hàng	21.738.936.489	-	21.738.936.489
Phải thu khác	140.767.096	2.063.212.200	2.203.979.296
Cộng	43.492.846.840	2.063.212.200	45.556.059.040
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.476.444.381	-	5.476.444.381
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.750.000.000	-	11.750.000.000
Phải thu khách hàng	23.331.786.901	-	23.331.786.901
Phải thu khác	448.531.653	1.246.149.000	1.694.680.653
Cộng	41.756.762.935	1.246.149.000	43.002.911.935

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

39. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	448.155.834	407.208.822
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	4.397.841.508	3.480.316.214
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	864.600.000	1.431.150.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	3.060.200.000	2.368.300.000
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Bán phim, tem, sách	2.688.014.021	939.609.981
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Bán phim, tem, sách	1.849.753.775	3.337.212.878
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	3.288.768.561	3.465.178.725
	Thuê nhà, điện, nước	522.193.545	420.696.363
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	2.878.568.766	2.517.030.450
Công ty CP Sách Dân tộc	Mua sách các loại	839.132.244	197.033.450
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	1.096.491.430	1.150.214.120
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	3.090.593.865	2.928.264.699
Khác			
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	112.500.000	112.500.000

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương Ban Giám đốc	2.138.648.889	2.294.506.540
- Giám đốc	895.557.254	900.297.189
- Phó Giám đốc	1.243.091.635	1.394.209.351
Thù lao Hội đồng quản trị	487.000.000	420.000.000

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Đầu tư ngắn hạn	12.500.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	11.750.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	507.605.690	864.236.482
Tài sản ngắn hạn khác	356.630.792	-
Phải thu dài hạn khác	-	1.246.149.000
Tài sản dài hạn khác	1.246.149.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	2.844.067.948	3.712.465.135
Quỹ dự phòng tài chính	868.397.187	-


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.332	2.360




Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng


Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu


Nguyễn Văn Quyết